TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** TỈNH LĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 41/2024/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 03 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬNTHUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Đỗ Đăng T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 16 Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh LĐ.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, Ấp T, xá T, huyện B, tỉnh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Kim T2 kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh LĐ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh LĐ. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ và không có con nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, không còn yêu thương, chăm sóc gì đến nhau nữa và đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Nay ông T1 và bà T2 xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông, bà. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Đỗ Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Kim T2 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay bà T2 không có thai nghén gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[5] Về lệ phí Tòa án: ông Đỗ Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Kim T2 thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình, thỏa thuận này của ông T1 và bà T2 là đảm bảo theo quy định của pháp luật nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Kim T2 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Đỗ Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Kim T2 thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông T1 và bà T2 đã nộp theo biên lai thu số 0005678 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh LĐ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Đ, huyện D, tỉnh LĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Vui